ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 208 /KH-UBND	*Đại Đồng, ngày 11 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn xã Đại Đồng đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh;

Căn cứ Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

UBND xã Đại Đồng ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn xã Đại Đồng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, sàng lọc, chẩn đoán và điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ có chất lượng; phát hiện sớm, tư vấn và chuyển tuyến kịp thời các trường hợp có nguy cơ mắc bệnh, tật bẩm sinh.

Góp phần giảm tỷ lệ trẻ em mắc bệnh, tật bẩm sinh, giảm tử vong và tàn tật, nâng cao chất lượng dân số và chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Phấn đấu:

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt **90%**.

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh ít nhất 04 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến đạt **95%**.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh ít nhất 05 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến đạt **100%**.

d) Từng bước nâng cao năng lực của Trạm Y tế xã trong công tác tư vấn, quản lý đối tượng, sàng lọc, chăm sóc sức khỏe sinh sản và phối hợp chuyển tuyến theo hướng dẫn chuyên môn.

đ) Bảo đảm các đối tượng có nguy cơ được tư vấn, hướng dẫn tiếp cận cơ sở y tế có đủ năng lực để thực hiện chẩn đoán, can thiệp và điều trị kịp thời.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thực hiện

Triển khai trên toàn địa bàn xã Đại Đồng.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; thanh niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; các cặp chuẩn bị kết hôn; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

- Đối tượng tác động: Người dân trên địa bàn xã; cán bộ y tế, dân số; các thôn; cơ sở giáo dục; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch công tác y tế, dân số và các chương trình có liên quan của xã.

- Từng bước đưa các chỉ tiêu về khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh vào hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá về dân số, y tế của địa phương.

- Tăng cường phối hợp giữa Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế xã, các cơ sở giáo dục, các thôn và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai Chương trình.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của:

+ Tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn;

+ Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên;

+ Sàng lọc trước sinh;

+ Sàng lọc sơ sinh;

+ Phát hiện, chẩn đoán và điều trị sớm các bệnh, tật bẩm sinh.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông thông qua hệ thống truyền thanh xã, các nhóm thông tin cộng đồng, hội nghị, sinh hoạt thôn, tư vấn trực tiếp, nói chuyện chuyên đề, tờ rơi, áp phích và các hình thức phù hợp.

- Ưu tiên truyền thông cho vị thành niên, thanh niên, các cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai và gia đình có trẻ sơ sinh.

- Phát huy vai trò của nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động và quản lý đối tượng tại cộng đồng.

3. Tổ chức tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

- Rà soát, lập danh sách và quản lý nam, nữ trong độ tuổi chuẩn bị kết hôn trên địa bàn.

- Tăng cường tư vấn về lợi ích của khám sức khỏe trước khi kết hôn, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng ngừa bệnh di truyền, bệnh lây truyền và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến thai nhi.

- Vận động các cặp nam, nữ chuẩn bị kết hôn chủ động thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các cơ sở y tế đủ điều kiện.

- Phối hợp với các cơ sở y tế tuyến trên để tư vấn, chuyển đối tượng đến thực hiện các dịch vụ mà Trạm Y tế xã chưa đủ khả năng cung cấp.

4. Tăng cường sàng lọc trước sinh

- Rà soát, quản lý đầy đủ phụ nữ mang thai trên địa bàn ngay từ những tháng đầu của thai kỳ.

- Tổ chức tư vấn cho phụ nữ mang thai và gia đình về lợi ích, thời điểm và các phương pháp sàng lọc trước sinh.

- Vận động phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc các bệnh, tật bẩm sinh theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Đối với trường hợp có kết quả sàng lọc nguy cơ cao, tư vấn và hướng dẫn chuyển đến cơ sở y tế có đủ năng lực để thực hiện chẩn đoán xác định và can thiệp phù hợp.

- Theo dõi, quản lý và cập nhật kết quả sàng lọc đối với các trường hợp thuộc địa bàn quản lý.

5. Tăng cường sàng lọc sơ sinh

- Tuyên truyền, vận động cha mẹ, người chăm sóc trẻ thực hiện sàng lọc sơ sinh cho trẻ theo hướng dẫn chuyên môn.

- Phối hợp với cơ sở y tế thực hiện hoặc hướng dẫn thực hiện lấy mẫu, xét nghiệm sàng lọc đối với các bệnh, tật thuộc danh mục theo quy định.

- Theo dõi kết quả sàng lọc; đối với trẻ có kết quả nghi ngờ hoặc nguy cơ cao, hướng dẫn gia đình đưa trẻ đến cơ sở y tế chuyên khoa để được chẩn đoán, can thiệp và điều trị kịp thời.

- Tăng cường quản lý trẻ sơ sinh tại cộng đồng, hạn chế bỏ sót đối tượng chưa được sàng lọc.

6. Nâng cao năng lực chuyên môn

- Tạo điều kiện để cán bộ Trạm Y tế, cán bộ dân số, nhân viên y tế thôn và cộng tác viên dân số được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về:

+ Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn;

+ Sàng lọc trước sinh;

+ Sàng lọc sơ sinh;

+ Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

+ Quản lý và theo dõi đối tượng;

+ Truyền thông, tư vấn, vận động tại cộng đồng.

- Thực hiện các quy trình chuyên môn, kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế và cơ quan chuyên môn cấp trên.

7. Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ

- Phát huy vai trò của Trạm Y tế xã trong tư vấn, quản lý đối tượng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, quản lý thai nghén và trẻ sơ sinh.

- Tăng cường kết nối, phối hợp và chuyển tuyến giữa Trạm Y tế xã với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện chuyên môn.

- Tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh thuận lợi, an toàn, phù hợp.

8. Ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý dữ liệu

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng, thống kê và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.

- Thực hiện cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu về dân số, sức khỏe sinh sản, phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh theo quy định.

- Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu.

9. Kiểm tra, giám sát

- Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện Chương trình tại các đơn vị có liên quan.

- Kịp thời phát hiện khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai để có biện pháp khắc phục.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình, làm cơ sở xây dựng nhiệm vụ cho các năm tiếp theo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí triển khai Kế hoạch được bảo đảm từ:

+ Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp;

+ Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ về y tế, dân số;

+ Nguồn xã hội hóa;

+ Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trạm Y tế xã Đại Đồng

- Là đơn vị đầu mối tham mưu và trực tiếp triển khai các hoạt động chuyên môn của Chương trình trên địa bàn.

- Chủ trì rà soát, quản lý các nhóm đối tượng; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, quản lý thai nghén, sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện để chuyển tuyến, tư vấn và cung cấp các dịch vụ chuyên môn.

- Hướng dẫn nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số rà soát, quản lý, tuyên truyền và vận động các đối tượng tham gia Chương trình.

- Thực hiện theo dõi, thống kê, tổng hợp kết quả và báo cáo UBND xã, cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp với Trạm Y tế xã tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch.

- Tham mưu lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, y tế, dân số của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền; theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai nhiệm vụ.

- Phối hợp tổng hợp kết quả, tham mưu UBND xã sơ kết, tổng kết và báo cáo cơ quan cấp trên.

3. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

- Phối hợp với Trạm Y tế xã tổ chức tuyên truyền, giáo dục kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các hoạt động giáo dục, ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề phù hợp với từng nhóm học sinh.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

- Đẩy mạnh vận động các cặp nam, nữ chuẩn bị kết hôn thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc trước sinh; các gia đình thực hiện sàng lọc sơ sinh cho trẻ.

- Phối hợp giám sát việc tổ chức thực hiện tại cộng đồng.

5. Các thôn trên địa bàn xã

- Phối hợp với Trạm Y tế xã và cộng tác viên dân số rà soát, quản lý các nhóm đối tượng thuộc Chương trình.

- Tăng cường tuyên truyền đến người dân tại địa bàn; vận động các đối tượng tham gia các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe và sàng lọc.

- Kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc về Trạm Y tế và UBND xã để được hướng dẫn, giải quyết.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Trạm Y tế xã chủ trì tổng hợp số liệu chuyên môn, kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác theo dõi, đánh giá.

- Định kỳ hằng năm và khi có yêu cầu, Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với Trạm Y tế xã tham mưu UBND xã báo cáo kết quả triển khai về cơ quan cấp trên theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã Đại Đồng qua Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, xem xét hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn xã Đại Đồng đến năm 2030. UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên (b/c)
- Sở Y tế tỉnh Hưng Yên (b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn;
- Các cơ sở thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Trần Văn Thành